QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Lý Phương Duyên*

Tóm tắt

Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) đóng vai trò ngày càng quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế nói chung, đối với việc đóng góp số thu cho ngân sách Nhà nước nói riêng. Quản lý thuế đối với DNNVV mặc dù có thuận lợi do qui mô nhỏ, hoạt động không phức tạp nhưng cũng có những khó khăn nhất định do số lượng doanh nghiệp lớn,hoạt động trong nhiều lĩnh vực, tính tuân thủ thấp. Bài viết sẽ phân tích các đặc điểm của DNNVV và chỉ ra những tác động của các đặc điểm này đối với quản lý thuế, nghiên cứu mối quan hệ giữa cơ quan quản lý và đối tượng bị quản lý để đưa ra các nội dung cơ bản của quản lý thuế nói chung, quản lý thuế đối với DNNVV nói riêng. Những nội dung quản lý này sẽ là cơ sở để tác giả phân tích về tình hình quản lý thuế đối với DNNVV ở Việt Nam hiện nay, chỉ ra các kết quả đã đạt được và những mặt tồn tại; phân tích các nguyên nhân để từ đó đưa ra một số giải pháp quản lý thuế tốt hơn trên các góc độ quản lý bao gồm: tuyên truyền hỗ trợ; kê khai thu nộp, thanh tra kiểm tra và xử lý nợ cưỡng chế thuế.

Từ khóa: Doanh nghiệp nhỏ và vừa; tính tuân thủ; thanh tra, kiểm tra thuế; quản lý kê khai, nộp thuế; quản lý thuế.

1.Đặt vấn đề

Doanh nghiệp nhỏ và vừa được xem là nhóm đối tượng có phân đoạn phổ biến và năng động nhất, là trung tâm trong quá trình phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Quản lý thuế đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam cũng như các quốc gia đang phát triển khác luôn phải đối mặt với nhiều khó khăn, phức tạp do số lượng doanh nghiệp lớn, tính tuân thủ thuế thấp và hiện tượng trốn thuế, nợ thuế ngày càng phổ biến. Vì vậy, việc tìm kiếm những biện pháp tuyên truyền hỗ trợ phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp nhỏ và vừa, các biện pháp quản lý kê khai nộp thuế hiện đại và các phương thức thanh tra, kiểm tra, xử lý nợ thuế hiệu quả là những vấn đề mà cơ quan thuế các nước luôn theo đuổi. Trong bài viết này, sau khi phân tích các đặc điểm của DNNVV tác động tới công tác quản lý thuế và nội dung của quản lý thuế, tác giả sẽ đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế đối với DNNVV ở Việt Nam trong thời gian qua và đề xuất một số giải pháp cơ bản để đẩy mạnh quản lý thuế đối với các DNNVV ở Việt Nam trong thời gian tới.

2.Một số vấn đề lý luận trong quản lý thuế đối với DNNVV

2.1.Các đặc điểm của doanh nghiệp nhỏ và vừa tác động đến quản lý thuế.

Trên các sách báo kinh tế và trong thực tiễn quản lý hiện nay đang có nhiều quan niệm khác nhau về DNNVV. Trên thế giới tuỳ thuộc vào đặc DNNVVmà các nước khác nhau cũng có các quan niệm không đồng nhất với nhau. Có thể khái quát thành 3 loại quan niệm khi xem xét về DNNVV: (1) xuất phát từ đặc điểm từng ngành gắn với số lượng vốn và lao động; (2) Dựa vào số lượng vốn, số lượng lao động và doanh thu; và (3) căn cứ vào ngành nghề kinh doanh và số lượng lao động.

Như vậy, với cả ba loại quan niệm trên, hầu hết các quốc gia đều lấy tiêu chí số lao động bình quân làm cơ sở quan trọng để phân loại doanh nghiệp theo qui mô. Tiêu chí số lao động bình quân được nhiều quốc gia lựa chọn vì thường có tính ổn định lâu dài về mặt thời gian, lại thể hiện được phần nào tính chất, đặc thù của ngành, lĩnh vực kinh doanh mà doanh nghiệp đang tham gia. Trong khi đó, các tiêu chí khác như doanh thu, vốn… thường xuyên chịu sự tác động bởi những biến đổi của thị trường, sự phát triển của nền kinh tế hay tình trạng lạm phát.

Tại Việt Nam, theo quy định tại Nghị định số 56/2009/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ, *"Doanh nghiệp nhỏ và vừa là cơ sở kinh doanh*

*Lý Phương Duyên, Tiến sĩ, Học viện Tài Chính.

đã đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật, được chia thành ba cấp: siêu nhỏ, nhỏ, vừa theo quy mô tổng nguồn vốn (tổng nguồn vốn tương đương tổng tài sản được xác định trong bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp) hoặc số lao động bình quân năm (tổng nguồn vốn là tiêu chí ưu tiên)". Theo tiêu thức quy định tại Nghị định này, các doanh nghiệp có số lao động đến 300 người (riêng thương mại dịch vụ là 100 người), có số vốn đến 100 tỷ (riêng thương mại dịch vụ là 50 tỷ) được gọi là DNNVV.

Với các đặc điểm như có qui mô nhỏ về vốn, lao động, doanh thu nhưng có chiếm số lượng lớn trong nền kinh tế, trình độ quản lý và trình độ kế toán hạn chế, trình độ công nghệ và phương pháp quản lý không cao (OECD, 2008) , DNNVV có những tác động nhất định đến công tác quản lý thuế, được tổng hợp qua hình sau:

Hình 1. Đặc điểm DNNVV tác động đến quản lý thuế

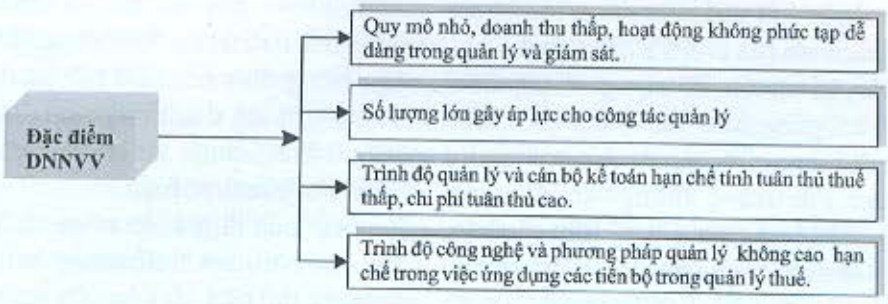

Nguồn: OECD(2008) và tổng hợp của tác giả

2.2.Nội dung quản lý thuế đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa

Nội dung quản lý thuế nói chung, quản lý thuế đối với các DNNVV nói riêng xuất phát từ mối liên hệ giữa cơ quan quản lý và người nộp thuế (Lewis I. Baurer,2005), được khái quát hóa qua hình sau:

Hình 2: Các cuộc tiếp xúc của cơ quan thuế với doanh nghiệp và các nội dung quản lý thuế đối với DNNVV

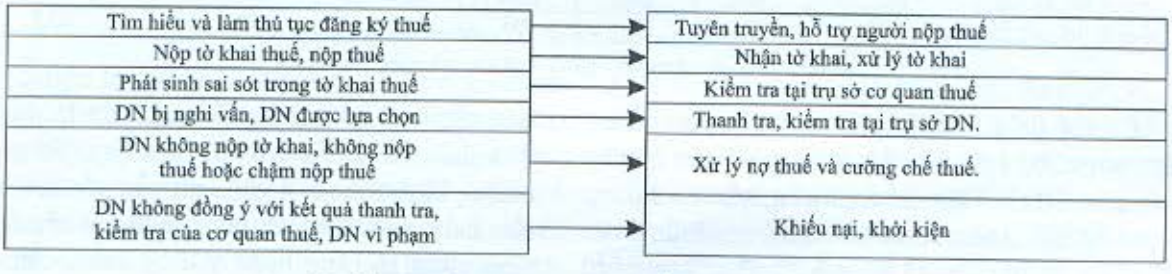

Nguồn: Lewis I. Baurer (2005) và tổng hợp của tác giả.

Như vậy, có thể thấy- quản lý thuế nói chung, quản lý thuế với các DNNVV nói riêng bao gồm các nội dung: Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế (NNT); Quản lý kê khai, nộp thuế và kế toán thuế; Thanh tra, kiểm tra thuế; Xử lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế và Khiếu nại, khởi kiện về thuế. Dựa trên khung lý thuyết về quản lý thuế trình bày trong hình 2, bài viết sẽ phân tích và đánh giá thực trạng quản lý thuế đối với DNNVV ở Việt Nam theo các nội dung quản lý. Tuy nhiên, do trong thực tế, tình hình khiếu nại và khởi kiện của các DNNVV ở Việt Nam thời gian qua không điển hình nên việc phân tích sẽ chỉ tập trung vào 4 nội dung cơ bản là: (1) Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế (NNT); (2) Quản lý kê khai, nộp thuế và kế toán thuế; (3)Thanh tra, kiểm tra thuế; (4) Xử lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

3.Kết quả quản lý thuế đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam giai đoạn 2013-2014.

3.1. Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

Mặc dù chưa có quy trình và nội dung tuyên truyền, hỗ trợ dành riêng cho DNNVV nhưng trong tổng số doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam hiện nay có đến 90% các DNNVV. Vì vậy, nội dung, hình thức tuyên truyền, hỗ trợ mà cơ quan thuế đang áp dụng chủ yếu hướng tới các đối tượng này. Những kết quả đạt được trong công tác tuyên truyền, hỗ trợ chung cũng đã phản ánh được kết quả của công tác tuyên truyền, hỗ trợ đối với các DNNVV, cụ thể:

Hình thức tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế phong phú, bao gồm: báo hình, báo nói, báo viết, tổ chức đối thoại với các doanh nghiệp, tư vấn trực tiếp, mở trang thông tin điện tử. Chuyên mục "Thuế và cuộc sống" trên các báo, dung lượng, tần suất phát sóng các vấn đề liên quan về thuế trên các kênh VTV và VOV đã được tăng lên. Cơ quan thuế cũng thực hiện rà soát và lược bỏ các hình thức tuyên truyền lạc hậu, đơn điệu (bỏ các panô, áp phích không còn phù hợp) thay bằng các hình thức tuyên truyền hiện đại, hiệu quả và thực hiện đối thoại định kỳ đối với doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp như Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp Hàn Quốc, với doanh nghiệp Châu Âu và Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp (Hội nghị VCCI) . Trong năm 2014, ngành thuế cũng đã tổ chức gặp mặt các phương tiện báo chí, truyền thông để giới thiệu, phổ biến công khai các nội dung mới của Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 - là những văn bản pháp luật có những thay đổi căn bản trong quản lý thuế- để cộng đồng doanh nghiệp được biết và giám sát cơ quan thuế, cơ quan hải quan trong quá trình tổ chức thực hiện.

Kết quả thực hiện công tác tuyên truyền hỗ trợ của cơ quan thuế trong hai năm được biểu hiện cụ thể qua số liệu của từng hình thức như sau:

Bảng 1: Kết quả thực hiện tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế năm 2013-2014

Nội dung	ĐVT	Năm		So sánh tăng giảm năm 2014/2013	
		2013	2014	Số tuyệt đối	Số tương đối (%)
Hỗ trợ trực tiếp tại cơ quan thuế	Lượt	300.000	175.200	(124.800)	(41.6)
Hỗ trợ qua điện thoại	Lượt	250.000	194.000	(56.000)	(22.4)
Hỗ trợ bằng hình thức trả lời văn bản	Văn bản	25.000	23.500	(1.500)	(6)
Tổ chức lớp tập huấn	Lớp	1.000	1.260	260	26
Tổ chức Hội nghị đối thoại	Lần	800	3.500	2.700	337.5

Nguồn: Báo cáo tổng kết ngành thuế và tính toán của tác giả

Có thể thấy – hình thức tuyên truyền hỗ trợ của năm 2014 đã có những thay đổi cơ bản so với năm 2013. Theo số liệu trên, số lượt hỗ trợ trực tiếp tại cơ quan thuế và trả lời qua điện thoại đã giảm kỷ lục với 41.6% và 22.4%, Trong khi đó, số lớp tập huấn tăng 26% và số hội nghị đối thoại được tổ chức là 3.500 lớp/năm ở tất cả các tỉnh, thành phố - tăng đến 337.5% so với năm 2013. Con số trên cho thấy các doanh nghiệp càng ngày càng quan tâm nhiều hơn đến việc tham gia các lớp tập huấn, hoặc hội nghị đối thoại. Nội dung trong các lớp tập huấn hay hội nghi đối thoại đã nhấn mạnh vào những thay đổi của chính sách thuế, các lý do của sự thay đổi và cách xử lý các tình huống phát sinh khi có thay đổi. Với cách thức này, các DNNVV đã giảm hẳn các lượt hỗ trợ đơn lẻ trực tiếp tại cơ quan thuế hay các cuộc trả lời qua điện thoại. Tuy nhiên, hình thức hỏi văn bản vẫn còn khá nhiều cho thấy trong thực tế vẫn còn nhiều vấn đề phát sinh chưa rõ ràng hoặc vướng mắc, cần có sự giải thích, tuyên truyền rõ ràng hơn và sự hỗ trợ kịp thời hơn của cơ quan thuế.

3.2. Quản lý kê khai, nộp thuế và kế toán thuế

Thực hiện cơ chế NNT tự tính, tự khai, tự nộp thuế với nhiều cải tiến trong hoạt động kê khai, nộp thuế đã tạo điều kiện tốt nhất cho NNT, mà đặc biệt là các DNNVV thực hiện nghĩa vụ kê khai và nộp thuế.

Kết quả nổi bật nhất trong cải cách, hiện đại hóa quản lý kê khai, nộp thuế là việc triển khai và thực hiện khai nộp thuế điện tử. Hiện nay

63/63 Cục Thuế, hơn 700 chi cục thuế đã thực hiện khai thuế điện tử. Tính đến ngày 22/12/2014 đã có khoảng 462.391 doanh nghiệp khai thuế điện tử, đạt 94,8% số doanh nghiệp đang hoạt động trong đó, gần 97% là các DNNVV.

Bên cạnh kết quả của việc kê khai thuế điện tử, ngành thuế cũng đã đẩy mạnh việc mở rộng các điểm thu NSNN tại các NH thương mại thông qua hệ thống 14 ngân hàng thương mại (Viettin Bank, Vietcombank, Agribank, VIB bank, Maritimebank, VP bank, Lienviet Bank, Ocean Bank, MHB....). Thực hiện việc thu thuế thông qua các ngân hàng thương mại tăng thêm nhiều lựa chọn về địa điểm nộp thuế, rút ngắn khoảng cách đi lại của NNT, tạo điều kiện thuận lợi cho NNT khi làm nghĩa vụ với NSNN. Đặc biệt, Tổng cục Thuế đã ký kết thoả thuận với 5 ngân hàng thương mại (BIDV, Agribank, Vietcombank, Viettinbank, MB) để thực hiện thí điểm nộp thuế điện tử tại 18 Cục Thuế địa phương, theo đó tính đến 22/12/2014, đã có 11.924 doanh nghiệp đăng ký nộp thuế, với số thuế thu được là 7.932 tỷ đồng.

3.3. Thanh tra, kiểm tra thuế

Thanh tra, kiểm tra thuế là một trong những nội dung quan trọng nhất của quản lý thuế nhằm đảm bảo tính tuân thủ của người nộp thuế. Hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế trong những năm gần đây đã được ngành thuế tập trung đầu tư cả nguồn lực vật chất và con người. Trong thời gian qua, công tác thanh tra, kiểm tra tập trung vào những lĩnh vực trọng điểm, phát sinh nhiều hành vi trốn thuế với số lượng lớn và mức độ nghiêm trọng như: các hoạt động giao dịch liên kết; hoàn thuế, khấu trừ thuế GTGT; thu thuế đối với lĩnh vực bất động sản, thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; chống thất thu đối với kinh doanh thương mại, dịch vụ du lịch, khai thác mỏ; chống thất thu đối với những loại hình kinh doanh mới phát sinh như thương mại điện tử, kinh doanh qua mạng. Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra thuế đối với các DNNVV được tổng hợp qua hai năm như sau:

Bảng 2: Kết quả thực hiện tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế năm 2013-2014

Nội dung	ĐVT	Năm		So sánh tăng giảm năm 2014/2013	
		2013	2014	Số tuyệt đối	Số tương đối (%)
Số lượng DN thanh tra, kiểm tra	DN	57.800	65.100	7.300	12.6
Số thuế xử lý truy thu, phạt	Tỷ đồng	12.600	12.730	130	1.03
Giảm lỗ qua thanh tra, kiểm tra	Tỷ đồng	11.000	14.410	3.410	31.0
Đã nộp NSNN	Tỷ đồng	8.800	7.447	(1.353)	(15.3)

Nguồn: Báo cáo tổng kết ngành thuế và tính toán của tác giả.

Số liệu tại bảng 2 cho thấy số lượng doanh nghiệp được thanh tra, kiểm tra cũng tăng lên, đồng thời, số thuế truy thu, phạt... cũng tăng. Đặc biệt, trong năm 2014, cơ quan thuế đã có những biện pháp quyết liệt trong kiểm tra, thanh tra các doanh nghiệp báo lỗ trong thời gian dài nên đã phát hiện ra nhiều trường hợp khai báo sai, giảm số lỗ qua thanh tra kiểm tra với mức 31% so với năm 2013. Kết quả này một phần là do thành công của ngành thuế trong việc lựa chọn đối tượng thanh tra dựa trên nguyên tắc quản lý rủi ro, một phần là do cơ quan thuế đã có ưu tiên nhất định về nguồn lực đối với chức năng thanh tra, kiểm tra tại các cơ quan quản lý.

3.4. Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

Hành vi nợ thuế là phổ biến trong các DNNVV. Tổng số nợ thuế của cả nước tính đến thời điểm 31/12/2014 là 70.241 tỷ đồng, tăng 14,9% so với thời điểm 31/12/2013. Trong tổng số nợ thuế nêu trên, khối doanh nghiệp ngoài Nhà nước mà chủ yếu là các DNNVV chiếm tỷ trọng cao nhất (chiếm 51,5% và tăng 26,7% so với thời điểm cuối năm 2013). Cơ quan thuế cũng đã có nhiều biện pháp quyết liệt như phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện đôn đốc thu nợ, đặc biệt đã thực hiện công khai thông tin người nợ thuế trên các phương tiện thông tin đại chúng; đẩy mạnh việc ứng dụng tin học vào việc theo dõi, kiểm tra, đối chiếu, phân loại các khoản nợ, phối hợp với các đơn vị liên quan (Kho bạc nhà nước, Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng, toà án, công an) để thực hiện các biện pháp đôn đốc và cưỡng chế thu hồi đối với người nợ thuế có khoản tiền thuế nợ trên 90

ngày và đã hết thời hạn gia hạn nộp thuế. Với việc tích cực triển khai thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý nợ nêu trên, trong năm 2014, đã thu được 50% số nợ thuế của năm 2013 chuyển sang, trong đó bằng biện pháp quản lý nợ là 83%; bằng biện pháp cưỡng chế nợ thuế là 17%.

4. Những hạn chế trong quản lý thuế

4.1. Công tác tuyên truyền, hỗ trợ

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong việc cung cấp thông tin, hỗ trợ pháp luật cho người nộp thuế nói chung, DNNVV nói riêng nhưng việc áp dụng các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ còn chưa phù hợp. Hình thức tuyên truyền hỗ trợ còn chưa phong phú, hiện đại để phù hợp với sự phát triển của doanh nghiệp và nền kinh tế trong thời đại công nghệ thông tin phát triển. Mặc dù đã được nâng lên về mặt số lượng nhưng chất lượng các Hội nghị đối thoại doanh nghiệp chưa cao, có một số buổi còn mang tính hình thức. Nội dung tuyên truyền tuy đã được chú trọng nhưng có nội dung còn chưa sát với yêu cầu.Việc giải thích bản chất, lý do của các quy định và thay đổi trong chính sách pháp luật về thuế chưa được rõ ràng, minh bạch .Các hình thức tuyên truyền điện tử đã triển khai nhưng chậm so với tiến độ yêu cầu.

4.2.Quản lý kê khai thuế, nộp thuế:

Mục tiêu của ngành thuế là triển khai việc kê khai và nộp thuế điện tử trên cả nước, với tất cả các đối tượng nộp thuế. Tuy nhiên, hiện nay các phần mềm ứng dụng hỗ trợ khai thuế đang trong quá trình hoàn thiện nên vẫn còn lỗi và chậm được điều chỉnh, nâng cấp mỗi khi có chính sách mới; đường truyền còn chậm và hay bị nghẽn, lỗi mạng, nhất là vào những ngày cao điểm. Phần mềm quản lý thuế tập trung (TMS) chưa đáp ứng và phù hợp hoàn toàn với những yêu cầu của quản lý nên bản thân người nộp thuế là các DNNVV cũng như cơ quan thuế còn gặp nhiều khó khăn trong việc kê khai và nộp thuế điện tử.

4.3.Thanh tra, kiểm tra thuế:

Nguồn lực dành cho công tác thanh tra, kiểm tra đã được tăng lên nhưng chưa đáp ứng về số lượng và chất lượng so với yêu cầu quản lý thuế theo cơ chế tự khai, tự nộp. Nhiều địa phương, đơn vị chưa áp dụng phương pháp thanh tra, kiểm tra theo phương pháp quản lý rủi ro. Việc thu thập, khai thác thông tin người nộp thuế phục vụ cho phân tích đánh giá rủi ro còn chưa được thực hiện hoặc thực hiện chưa đúng theo yêu cầu. Công tác theo dõi, đôn đốc thực hiện kết luận sau thanh tra, kiểm tra chưa thực hiện thường xuyên và chưa có biện pháp tích cực xử lý những doanh nghiệp cố tình không thực hiện nghiêm túc kết luận thanh tra, kiểm tra nên hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra chưa cao.

4.4.Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

Chức năng quản lý nợ trong mô hình quản lý thuế chưa phát huy hết hiệu quả. Việc phối hợp với các ngành, các cấp, các bộ phận trong công tác quản lý, thu hồi nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế trong một số biện pháp cưỡng chế nợ thuế còn chưa chặt chẽ, hiệu quả chưa cao như các biện pháp khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập; kê biên, bán đấu giá tài sản; thu tiền, tài sản của người nộp thuế do tổ chức, cá nhân khác nắm giữ... Biện pháp cưỡng chế được coi là đơn giản nhất như trích tiền từ tài khoản của người nộp thuế cũng rất khó thực hiện, đặc biệt đối với các DNNVV bởi việc cung cấp thông tin tài khoản của người nộp thuế chưa nhận được sự phối hợp chặt chẽ của các ngân hàng thương mại, và bản thân các DNNVV cũng không khai báo đầy đủ số tài khoản của mình khi thực hiện kê khai thuế.

5.Các nguyên nhân cơ bản

Do chưa nhận thức được hết vai trò quan trọng của công tác tuyên truyền hỗ trợ nên chức năng này tại một số cơ quan thuế còn chưa được chú trọng, chưa có quy trình tuyên truyền, hỗ trợ riêng cho những doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa. Một số quy định tại Luật quản lý thuế và một số Luật thuế khác như thuế GTGT, thuế TNDN còn chưa phân biệt giữa người nộp thuế là DNNVV và các đối tượng khác nên trong quá trình thực hiện, các DNNVV còn phát sinh chi phí tuân thủ cao.

Bên cạnh đó, nguồn lực dành cho hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ thuế tại các Cục thuế, chi cục thuế cũng còn hạn chế, đội ngũ nhân viên

trong bộ phận tuyên truyền, hỗ trợ thường chưa có kinh nghiệm tiếp xúc và xử lý tình huống phát sinh, đặc biệt là các tình huống thực tế phong phú, phức tạp của các DNNVV nên chất lượng của công tác tuyên truyền hỗ trợ thuế còn nhiều hạn chế.

Đối với hoạt động kê khai nộp thuế: Thời gian qua, hệ thống văn bản pháp luật về thuế có những sự điều chỉnh, thay đổi liên tục, đặc biệt là những quy định về việc giãn, giảm, miễn thuế đối với các DNNVV trong thời gian từ năm 2008 đến nay. Các quy định này vừa theo quy mô doanh nghiệp nhưng lại vừa theo mặt hàng, theo thời gian gây khó khăn cho DNNVV trong công tác tính toán, khai và nộp thuế, đồng thời, làm cho các phần mềm kê khai thuế điện tử không kịp điều chỉnh, cập nhật kịp thời. Ứng dụng quản lý thuế tập trung TMS tại cơ quan thuế mới được đưa vào sử dụng nên trong quá trình áp dụng phát sinh lỗi, gây cản trở trong việc cập nhật tình hình của doanh nghiệp và do đó, còn có những quyết định chưa chính xác về nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến kết quả chung của kê khai thuế. Trình độ tin học của nhân viên trong các doanh nghiệp và bản thân một số cán bộ thuế còn chưa theo kịp với tốc độ phát triển các phần mềm kê khai và quản lý thuế; việc sử dụng chữ ký số chưa được phổ biến cũng là những nguyên nhân gây ra sự chậm chễ trong việc phát triển kê khai và nộp thuế điện tử.

Đối với thanh tra, kiểm tra thuế: Mặc dù kỹ thuật quản lý rủi ro đã được thực hiện ở tất cả các cục thuế trong việc lựa chọn đối tượng thanh tra, kiểm tra nhưng việc sử dụng chưa thực sự hiệu quả do hệ thống thông tin về người nộp thuế nói chung, DNNVV nói riêng còn hạn chế, bộ tiêu chí đánh giá vẫn chưa có sự phân biệt giữa các doanh nghiệp, chưa phù hợp với những đặc điểm, quy mô của DNNVV. Bên cạnh đó, công tác xử lý sau thanh tra chưa thực hiện triệt để nên hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra thuế còn chưa cao.

Xử lý nợ thuế và cưỡng chế thuế: Ý thức tuân thủ pháp luật thuế của các DNNVV nhìn chung còn thấp, các hành vi trốn thuế, gian lận thuế chưa bị dư luận lên án mạnh mẽ. Tình trạng thanh toán dùng tiền mặt trong các DNNVV vẫn còn phổ biến nên mặc dù Luật Quản lý thuế đã quy định bảy biện pháp cưỡng chế nợ thuế nhưng các biện pháp việc cưỡng chế nợ thuế như trích từ tài khoản của người nộp thuế vẫn chưa thực sự hiệu quả. Việc phối kết hợp với các ngành có liên quan như Ngân hàng, các tổ chức tín dụng ... còn chậm trễ, làm hạn chế tính kịp thời trong việc xử lý nợ thuế.

6. Giải pháp cho quản lý thuế đối với các Doanh nghiệp nhỏ và vừa

6.1. Công tác tuyên truyền, hỗ trợ cần phải có các biện pháp phù hợp với đặc điểm của các DNNVV

Với đặc điểm là trình độ quản lý và trình độ kế toán còn hạn chế, việc tiếp cận với công nghệ thông tin của các DNNVV chưa nhiều nên cần phải có cách thức tuyên truyền và hỗ trợ phù hợp. Đối với các DNNVV, các loại sách liên quan đến việc hướng dẫn các luật thuế cần được biên soạn dưới hình thức câu hỏi nhỏ, dễ đọc, dễ nhớ thay vì các điều khoản luật. Việc chuyển tải các quy định, luật lệ, các quyết định phán quyết của tòa án trong những trường hợp cụ thể để mỗi cá nhân có thể liên hệ với trường hợp của mình để thực hiện. Các bản tin hàng tuần với những cập nhật những thay đổi về thuế cũng là một gợi ý hay cho các doanh nghiệp khi muốn đến gần hơn với khách hàng của mình. Ngoài ra, cơ quan thuế có thể phối hợp với khu vực tư để sản xuất các chương trình truyền hình đặc biệt dưới hình thức các trò chơi truyền hình, kết hợp với việc phỏng vấn các cán bộ thuế, các kế toán, kiểm toán và các luật sư về các vấn đề phức tạp và thời sự liên quan đến việc thực hiện các sắc thuế.

Việc tổ chức các lớp giới thiệu và cập nhật về luật Thuế cho các công ty mới thành lập, hay hướng dẫn giải quyết các tình huống phức tạp và thông dụng trong thực tế của một số doanh nghiệp cũng là hình thức mà các công ty tư vấn có thể thực hiện. Ngoài ra, việc sử dụng các hình thức tư vấn tự nguyện cũng là một ý kiến rất đáng được quan tâm trong việc cung cấp dịch vụ

hỗ trợ cho các DNNVV. Do mang tính chất phi lợi nhuận nên các chương trình hỗ trợ này có thể sử dụng nguồn lực và sự hảo tâm của các tổ chức phi chính phủ, các chương trình, dự án hỗ trợ của các tổ chức tài chính thế giới, và nên được tập trung thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định để có tác động lan truyền mạnh mẽ và hiệu quả cao.

6.2.Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án khai và nộp thuế điện tử

Dự án khai thuế điện tử (bao gồm gửi tờ khai qua mạng internet và khai thuế online) đã được Tổng cục Thuế triển khai thí điểm từ cuối năm 2009, đến nay đã được triển khai ở tất cả các Cục thuế trên cả nước. Để thực hiện được mục tiêu đến hết năm 2016 tất cả các NNT nói chung, DNNVV nói riêng đều thực hiện kê khai và nộp thuế điện tử, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý sau đây:

Mở rộng, đa dạng hóa công tác tuyên truyền về xu thế và lợi ích của việc kê khai thuế điện tử để đối tượng nộp thuế nhận thức rõ và chủ động trong việc đăng ký kê khai thuế theo hình thức này.

Hoàn thiện phần mềm hỗ trợ kê khai thuế theo hướng thuận tiện và đầy đủ hơn nữa cho đối tượng nộp thuế; Cụ thể, phần mềm mới phải cho phép doanh nghiệp nộp được mọi loại tờ khai, bao gồm cả tờ khai thuế môn bài, báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn, tờ khai thuế nhà thầu. Bên cạnh đó, cần nâng cấp các trang thiết bị, đường truyền hiện có đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, thông suốt, không để tình trạng lỗi hệ thống để có thể cho phép khai trực tuyến cho tất cả các loại tờ khai trên cổng thông tin khai thuế điện tử, giúp NNT có thể thực hiện lập tờ khai trên UD HTKK hoặc trên cổng thông tin KTĐT.

Đào tạo, nâng cao trình độ sử dụng các ứng dụng tin học cho các cán bộ thuế để có thể thực hiện tốt các công việc chuyên môn được giao và tư vấn cho người nộp thuế trong trường hợp cần thiết. Đẩy mạnh việc sử dụng rộng rãi chữ ký số trong xã hội nhằm đảm bảo tính bảo mật trong việc lưu chuyển và xử lý tờ khai.

Có những ưu đãi nhất định cho các đối tượng nộp thuế trong thời gian đầu thực hiện kê khai và nộp thuế điện tử. Cụ thể, có thể cho phép thời hạn nộp tờ khai thuế hoặc tờ khai quyết toán thuế của các đối tượng nộp tờ khai thuế điện tử dài hơn so với đối tượng nộp tờ khai giấy như một số nước đã áp dụng.

Việc nộp thuế điện tử cần phải có sự tham gia của các Ngân hàng trong nền kinh tế. Những ngân hàng được lựa chọn phải có đủ năng lực, mạng lưới rộng khắp và gắn gũi với người nộp thuế để đảm bảo thuận tiện nhất cho người nộp thuế không chỉ ở các thành phố lớn mà ở mọi tỉnh thành trên cả nước. Cơ chế ưu đãi cho ngân hàng có thể áp dụng biện pháp cho phép các ngân hàng giữ lại khoản tiền thuế trong 10 -15 ngày trước khi nộp cho Nhà nước như một số quốc gia đang áp dụng.

6.3.Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tuân thủ của người nộp thuế

Hoạt động kiểm tra, giám sát sự tuân thủ của người nộp thuế đặc biệt có hiệu quả đối với các DNNVV- với tính tuân thủ thuế thấp và trong cơ chế tự khai tự nộp như hiện nay. Để công tác thanh tra, kiểm tra đạt hiệu quả cao nhất, cần thực hiện một số nội dung sau:

Sử dụng kỹ thuật quản lý rủi ro để phân loại doanh nghiệp và tập trung kiểm tra nhóm đối tượng có dấu hiệu vi phạm, có độ rủi ro cao: trong các DNNVV, do chủ yếu chịu sự quản lý của cơ quan huế cấp chi cục nên có thể theo địa bàn từng chi cục để phân chia tiếp về mức độ rủi ro, từ đó có kế hoạch thanh tra, kiểm tra phù hợp. Muốn vậy, công tác thiết lập hệ thống thông tin doanh nghiệp là hết sức cần thiết, phải được cập nhật thường xuyên và phải được coi là nhiệm vụ của cán bộ quản lý thuế.

Để phân loại doanh nghiệp theo mức độ rủi ro một cách chính xác thì bộ tiêu chí đánh giá rủi ro phải phù hợp với yêu cầu quản lý và với loại hình doanh nghiệp. Với các DNNVV, bộ tiêu chí này có thể đơn giản hơn so với Bộ tiêu chí đánh giá rủi ro chung của toàn ngành thuế nhưng phải gắn với đặc thù của loại hình DNNVV thì sẽ có độ chính xác cao hơn, lựa chọn doanh nghiệp sẽ tốt hơn.

Ngoài việc lựa chọn đối tượng thanh tra, tổ

chức tốt công tác xử lý sau thanh tra thuế cũng là một nội dung cần đặc biệt quan tâm, nhất là với các DNNVV vì tính răn đe của nó. Nếu các quyết định xử lý sau thanh tra không được thực hiện một cách nghiêm túc thì tính tuân thủ của doanh nghiệp cũng sẽ giảm dần đi vì họ không thấy sức mạnh của các quy định xử lý. Vì vậy, cần chú trọng đôn đốc, theo dõi việc thực hiện các quyết định sau thanh tra.

Ngoài ra, kinh nghiệm của một số quốc gia cho thấy, có thể tận dụng nguồn lực kiểm toán độc lập để thực hiện việc thanh tra và xác nhận tờ khai thuế của người nộp thuế, và khi đã có xác nhận của kiểm toán thì cơ quan thuế có thể loại trừ đối tượng nộp thuế đó ra khỏi danh sách kiểm tra của mình.

6.4.Công tác xử lý nợ thuế và cưỡng chế thuế

Với thực trạng về nợ thuế tràn lan tại các DNNVV thì các giải pháp thúc đẩy xử lý nợ thuế và cưỡng chế thuế là đặc biệt quan trọng. Các DNNVV chủ yếu chịu sự quản lý của các Chi cục thuế, chính vì vậy, để thực hiện tốt việc xử lý nợ thuế và cưỡng chế thuế, cơ quan thuế cần tập trung thực hiện những việc sau :

- Rà soát, phân loại chính xác số nợ thuế đến 31/12 hàng năm để có các biện pháp đôn đốc, xử lý thích hợp.

- Thực hiện công bố công khai thông tin các doanh nghiệp nợ thuế lớn, chây ỳ trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 74 Luật Quản lý thuế.

- Phối hợp chặt chẽ với Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng, cơ quan kế hoạch đầu tư... để thu hồi kịp thời tiền thuế nợ vào NSNN.

Ngoài các giải pháp nêu trên, việc tăng cường nguồn lực cho quản lý: bao gồm nguồn lực con người và nguồn lực vật chất phục vụ quản lý; vấn đề phát triển dịch vụ đại lý thuế hay xã hội hóa việc in ấn và sản xuất các phần mềm hỗ trợ kê khai thuế, các phần mềm quản lý thuế cũng là những giải pháp đảm bảo tính hiệu quả và hiệu lực của quản lý thuế đối với DNNVV ở Việt Nam trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Cải cách - Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính (2011), Đơn giản hóa chính sách và thủ tục hành chính thuế để giảm gánh nặng tuân thủ cho DN vừa và nhỏ, Hà Nội.
- Tổng cục Thuế (2013, 2014), Báo cáo tổng kết ngành thuế, Hà Nội.
- Thủ tướng Chính phủ (2012), Kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa - Quyết định số 1231/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Hà Nội.
- Jeff Pope và Hijattulah Abdul-Jabbar(2008), Tax compliance cost of small and medium enterprises in Malaysia: Policy Implications, Curtin University.
- Lewis I. Baurer (2005), Tax administrations and small and medium enterprises in Developing countries, World Bank,
- OECD (2008). SMEs taxation - Good practice and Guidelines for Design
- OECD(2009), Taxation for SMEs, key issue and policy consideration, OECD.